

# HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KINH TẾ SỬ DỤNG TRONG PHÂN TÍCH KINH TẾ TRANG TRẠI

## Application of an indicator system for the analysis of farm economics

Bùi Bằng Đoàn

### Summary

Commercial farms have increasingly been developing in Vietnam. Although it is an agricultural economic unit there exists no indicator system for economic analysis and assessment of this production forms.

The present paper describes a system of basic issues on farm economy and farm development in Vietnam. Based on methods of synthesis, holistics and analysis a indicator system to reflect production, costs and efficiency of farm business. This presents a system suitable for specific production conditions in the existing farms and can be used to replace the previous indicators. The indicator system could be applied for farm household economics study.

**Key words:** Commercial farms, economic indicators

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (1988) thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ trong nông nghiệp, đặc biệt là sau khi có Luật đất đai (1993) với chính sách giao ruộng đất lâu dài cho nông dân sử dụng... đã là những điểm nhấn, đánh dấu bước khởi động cho kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại phát triển ở Việt Nam. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển đã khai thông được những bế tắc, làm thức dậy nhiều tiềm năng và có tác dụng tích cực đối với việc xoá đói, giảm nghèo và làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông nghiệp, nông thôn trên cả nước.

Tuy kinh tế trang trại ở nước ta đã được phát triển mạnh nhưng việc hướng dẫn công tác ghi chép, hạch toán chi tiết từng khoản thu, chi và kết quả sản xuất cuối cùng cho các đơn vị kinh tế này vẫn chưa được chú trọng. Ngoài ra, cũng chưa có một hệ thống chỉ tiêu hướng dẫn thống nhất để phân tích kinh tế trong trang trại. Hệ thống chỉ tiêu tài khoản quốc gia (SNA) thường được sử dụng để nghiên cứu kinh tế đối với trang trại và hộ nông dân đã không còn phù hợp nữa. Vì vậy, việc đưa ra một hệ thống chỉ tiêu kinh tế thống nhất để phản ánh toàn diện kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại là vấn đề hết sức cần thiết. Trên cơ sở đưa ra một hệ thống chỉ tiêu kinh tế thống nhất sẽ là cơ sở để hướng dẫn cho các chủ trang trại trong việc tổ chức ghi chép, hạch toán kinh doanh để đánh giá đúng kết quả sản xuất kinh doanh, làm căn cứ cho việc phát triển kinh tế trang trại đúng hướng và hiệu quả.

### 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là hệ thống các chỉ tiêu kinh tế sử dụng trong phân tích kinh tế trang trại, hộ nông dân.

Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu gồm: Phương pháp tổng hợp; Phương pháp hệ thống; Phương pháp phân tích kinh tế; Phương pháp so sánh; Phương pháp mô tả.

Thông qua việc tổng hợp, hệ thống các vấn đề liên quan và tiến hành phân tích, so sánh để đưa ra hệ thống các chỉ tiêu kinh tế được mô tả bằng các công thức tính toán cụ thể, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của các trang trại hiện nay.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Những vấn đề chung về kinh tế trang trại

### 3.1.1 Khái niệm về kinh tế trang trại

Khái niệm về trang trại đề cập đến một loại hình, đơn vị sản xuất cơ sở trong nông nghiệp, được phát triển trên cơ sở kinh tế hộ gia đình nông dân. Có rất nhiều quan điểm, định nghĩa khác nhau về trang trại, kinh tế trang trại. Tuy nhiên, dù các cách tiếp cận theo quan điểm khác nhau như thế nào, cũng đều thống nhất trên những nội dung chủ yếu dưới đây.

Trang trại là đơn vị sản xuất cơ sở trong nông nghiệp, được phát triển trên cơ sở kinh tế hộ gia đình nông dân, với mục đích chính là sản xuất hàng hoá.

Trang trại là đơn vị kinh tế sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả nông – lâm – thủy sản) của một người chủ trang trại. Họ vừa là người làm chủ về ruộng đất, làm chủ về tư liệu sản xuất, vừa là người tổ chức sản xuất kinh doanh, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của mình, với mục đích chính là sản xuất hàng hoá và một phần sản phẩm được sử dụng cho tiêu dùng của gia đình (Nguyễn Đình Hương, 2000).

Với mức độ phát triển cao, trang trại là một doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hoá dựa trên cơ sở hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, có khả năng ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất; vừa sử dụng lao động gia đình, vừa sử dụng lao động làm thuê, tự chủ về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện hạch toán kinh doanh.

Như vậy, trang trại là đơn vị kinh tế cơ sở trong nông nghiệp, là hình thức tổ chức sản xuất phát triển cao của kinh tế hộ nông dân, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hoá, trên cơ sở sản xuất tập trung, quy mô lớn.

Kinh tế trang trại là khái niệm rộng hơn, là tổng thể các yếu tố bao gồm cả kinh tế, xã hội và môi trường. Như vậy, trang trại là nói đến chủ thể của các yếu tố, còn nói đến kinh tế trang trại chủ yếu đề cập đến yếu tố kinh tế của trang trại và cũng là vấn đề mấu chốt của các đơn vị kinh tế.

Theo Nghị quyết 03 ngày 2/2/2000 của Chính phủ “ Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn với chế biến và tiêu thụ ...”.

Tiêu chí để xác định kinh tế trang trại ở nước ta hiện nay dựa theo thông tư liên tịch số 69/TTLT ngày 23/6/2002 của Bộ NN & PTNT và Tổng cục Thống kê quy định cụ thể như sau:

- Đối tượng, ngành sản xuất được xem xét xác định kinh tế trang trại là hộ nông dân, hộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, hộ ở các thành thị và các cá nhân chuyên sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Các tiêu chí định lượng kinh tế trang trại thể hiện qua quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế hộ đối với từng ngành sản xuất, từng vùng kinh tế, cụ thể:

+ Với trang trại trồng trọt có từ 02 ha đất trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và duyên hải Miền Trung; từ 03 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên; trang trại lâm nghiệp phải có từ 10 ha trở lên.

+ Với trang trại chăn nuôi: Nếu chăn nuôi trâu, bò sinh sản và lấy sữa phải có thường xuyên 10 con gia súc trở lên. Nếu chăn nuôi lợn, dê... để sinh sản phải thường xuyên có 20 con trở lên. Nếu chăn nuôi đại gia súc, gia súc lấy thịt phải có thường xuyên 50 con trở lên .

+ Về nuôi trồng thủy sản, diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản phải có từ 02 ha trở lên.

+ Đối với một số lĩnh vực đặc thù như trồng hoa cây cảnh, sản xuất giống thủy sản... thì tiêu chí xác định là giá trị sản phẩm hàng hoá từ 40 triệu đồng trở lên.

### 3.1.2 Phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam

Xét về lịch sử, kinh tế trang trại đã được phát triển ở nước ta từ xa xưa và có các tên gọi khác nhau. Theo sách *Lịch sử nông nghiệp Việt Nam*: “ Năm 1266, triều đình nhà Trần đã cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi...triệu tập dân nghèo khổ không có đất làm nô tỳ đi khai hoang miền ven biển, đắp đê ngăn mặn, khai phá đất bồi sông Hồng lập thành điền trang rộng lớn”.

Đời hậu Lê, nhà nước cũng có chủ trương mở rộng khai hoang lập đồn điền để cấp cho người họ hàng nhà vua và quan lại cai quản.

Đời các triều vua nhà Nguyễn đã ban hành nhiều đạo luật về khai hoang bằng việc sử dụng dân phu tán, binh lính, tù nhân lập ấp trại, lập đồn điền, trang trại.

Thời kỳ đô hộ của thực dân Pháp các đồn điền, trại ấp được phát triển mạnh cả về quy mô và số lượng. Các trang trại, đồn điền thời kỳ này phát triển mạnh khắp ba miền Bắc – Trung – Nam, đặc biệt là ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên (Hỏi đáp về kinh tế trang trại và phát triển cây công nghiệp, 2002).

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, ở miền Nam các đồn điền của tư bản, thực dân vẫn được duy trì và phát triển. Ở miền Bắc, Nhà nước tiến hành tịch thu ruộng đất của địa chủ, thực dân để chia cho nông dân, sau này được tập thể hoá để hình thành các HTX sản xuất nông nghiệp, hoặc thành lập các Nông, Lâm trường quốc doanh.

Sau năm 1975, ở miền Nam mô hình phát triển nông nghiệp cũng được áp dụng như ở miền Bắc, nghĩa là các HTX nông nghiệp cũng được phát triển, các đồn điền, trang trại tư bản chủ nghĩa được quốc hữu hoá để phát triển các Nông, Lâm trường quốc doanh. Thời kỳ này ở miền Bắc các HTX NN và các Nông – Lâm trường quốc doanh vẫn phát triển nhưng đã có những dấu hiệu giảm sút về hiệu quả và nảy sinh nhiều mâu thuẫn kìm hãm sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cả một giai đoạn dài, nền kinh tế nông nghiệp ở nước ta phát triển mang nặng tính tập trung, quan liêu, bao cấp tồn tại dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể. Hai hình thức kinh tế này dần dần đã bộc lộ những yếu kém, khuyết tật cản trở sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn nên cần phải được đổi mới một cách triệt để. Trong những năm gần đây, khái niệm về kinh tế trang trại và phát triển kinh tế trang trại mới được đề cập lại.

Để cho kinh tế trang trại phát triển, ngoài những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của các ngành cần thiết phải có quy định hướng dẫn cho các trang trại tổ chức tốt công tác ghi chép, hạch toán kinh tế. Đặc biệt phải đưa ra được hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả sản xuất của trang trại phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất và trình độ quản lý hiện nay.

### **3.2. Hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế trong trang trại**

Trang trại là những đơn vị kinh tế cơ sở phổ biến trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay. Tuy là một đơn vị kinh tế, một doanh nghiệp trong nông nghiệp nhưng chúng ta không thể sử dụng hệ thống các chỉ tiêu kinh tế của doanh nghiệp để phân tích đối với loại hình kinh tế này. Hiện nay hầu hết các trang trại chưa tổ chức hạch toán, ghi chép các chi phí đã bỏ ra, hay số lượng sản phẩm thu được nên rất khó đánh giá được kết quả và hiệu quả sản xuất. Sản phẩm thu được từ sản xuất của trang trại vừa để bán, vừa để tiêu dùng cho sinh hoạt gia đình và sử dụng luân chuyển giữa các ngành sản xuất nên việc xác định đầy đủ kết quả sản xuất khá phức tạp.

Chi phí cho sản xuất của trang trại cũng khá đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, sử dụng sản phẩm từ năm trước hay sử dụng lẫn sản phẩm giữa các ngành sản xuất với nhau nên việc xác định chi phí đầy đủ cũng rất khó khăn. Về vốn đầu tư, nếu kinh doanh quy mô lớn các hộ thường phải vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng hoặc vay từ người thân, còn sản xuất quy mô nhỏ chủ yếu sử dụng đồng vốn của gia đình nên việc xác định mức đầu tư vốn và chi phí vốn cũng rất khó nếu không được ghi chép cụ thể.

Với những đặc điểm trên đây, để phân tích, đánh giá kinh tế trong các trang trại, cần thiết phải có hệ thống chỉ tiêu làm thước đo đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại. Hệ thống chỉ tiêu này phải có tính khoa học, phù hợp và có ý nghĩa so sánh không chỉ giữa các trang trại trong nước mà còn có thể so sánh mang tính quốc tế và khu vực.

Có rất nhiều chỉ tiêu phản ánh các mặt hoạt động sản xuất trong trang trại, trong đó có 3 chỉ tiêu quan trọng cần quan tâm là kết quả sản xuất, chi phí sản xuất và lợi nhuận.

#### **3. 2.1. Chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất**

##### *a) Các chỉ tiêu hiện vật*

Các chỉ tiêu hiện vật phản ánh kết quả về mặt hiện vật của các hoạt động, cụ thể là của từng loại cây trồng, vật nuôi của trang trại thu được trong một năm. Tùy theo từng ngành sản xuất, các chỉ tiêu phản ánh kết quả về hiện vật cũng khác nhau và được tính theo các đơn vị khác nhau. Trong trồng trọt, chỉ tiêu kết quả hiện vật là số lượng sản phẩm thu được của từng loại cây trồng trong một vụ, một năm và được tính bằng đơn vị kg, tạ, tấn hay m<sup>3</sup>.

Đối với ngành chăn nuôi, kết quả sản xuất thể hiện là số sản phẩm thu được từ chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Tùy theo từng đối tượng chăn nuôi khác nhau mà kết quả sản phẩm chăn nuôi thu được thể hiện là khác nhau, như: trọng lượng sản phẩm thịt hơi, trọng lượng sản phẩm thịt tăng; sản lượng sữa vắt được; số lượng hay trọng lượng đàn gia súc con được sinh ra đến khi tách mẹ hoặc số trứng đẻ ra (1000 quả) đối với chăn nuôi gia cầm.

Như vậy, tùy theo từng đối tượng sản xuất mà các chỉ tiêu kết quả bằng hiện vật được sử dụng là khác nhau.

#### *b) Chỉ tiêu giá trị*

Trong trang trại, chỉ tiêu kết quả sản xuất bằng giá trị được thể hiện qua chỉ tiêu giá trị sản xuất (GO) hay thu nhập.

Giá trị sản xuất (GO) là toàn bộ giá trị sản phẩm của các ngành sản xuất mà trang trại thu được trong một kỳ nhất định, thường là một năm. Giá trị sản xuất của trang trại bao gồm giá trị của số sản phẩm xuất bán hay chuyển ra ngoài, giá trị của số sản phẩm dùng cho tiêu dùng nội bộ (bao gồm phần sử dụng cho tiêu dùng gia đình và phần sử dụng làm chi phí đầu vào cho hoạt động khác) và giá trị của số sản phẩm dùng cho dự trữ. Trong trường hợp nếu tính riêng giá trị sản xuất theo từng lĩnh vực hoạt động sau đó mới tổng hợp lại cho toàn trang trại thì chỉ tiêu giá trị sản xuất sẽ có sự tính trùng.

Để làm rõ kết quả sử dụng từng yếu tố sản xuất, cần sử dụng các chỉ tiêu phân tích sau đây:

- Giá trị sản xuất thu được trên 1 ha đất sản xuất.
- Giá trị sản xuất thu được trên một đơn vị đầu gia súc.
- Giá trị sản xuất trên một lao động, ngày lao động.
- Giá trị sản xuất trên một đồng vốn, một đồng chi phí sản xuất.

Các chỉ tiêu trên đây được tính chung cho toàn trang trại, tính riêng cho từng ngành sản xuất, từng sản phẩm và được so sánh với các trang trại khác có các điều kiện sản xuất như nhau.

Phần lớn các trang trại đều có mục đích chính là sản xuất hàng hoá. Đây là đặc trưng khác biệt cơ bản giữa kinh tế trang trại và kinh tế hộ nông dân. Để đánh giá đặc trưng này, đồng thời cũng để đánh giá kết quả sản xuất của trang trại, cần phải sử dụng chỉ tiêu giá trị sản phẩm hàng hoá và tỷ suất hàng hoá.

Giá trị sản phẩm hàng hoá của trang trại là toàn bộ giá trị của số sản phẩm sản xuất đem bán và cung cấp ra bên ngoài trang trại. Chỉ tiêu giá trị sản phẩm hàng hoá phản ánh khối lượng sản phẩm nông nghiệp mà trang trại cung cấp cho xã hội thông qua hình thức tiêu thụ.

Tỷ suất hàng hoá là tỷ số giữa sản lượng hàng hoá và tổng sản lượng sản xuất. Chỉ tiêu này vừa phản ánh mức độ chuyên môn hoá sản xuất, vừa phản ánh mức độ phát triển cao của trang trại.

$$\text{Tỷ suất hàng hoá(\%)} = \frac{\text{Giá trị (Số lượng) sản phẩm hàng hoá}}{\text{Giá trị (Số lượng) sản phẩm sản xuất}} \times 100$$

Chỉ tiêu sản phẩm hàng hoá và tỷ suất hàng hoá được tính chung cho cả trang trại, cũng có thể tính riêng cho từng ngành, từng sản phẩm để đánh giá tình hình phát triển và kết quả sản xuất của trang trại.

Chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hoá hay tỷ suất hàng hoá là một đặc trưng hay một tiêu chí để nhận diện trang trại.

#### 3.2.2. Các chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất là giá trị của các yếu tố đầu vào sử dụng cho các hoạt động sản xuất của trang trại. Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại, mỗi ngành sản xuất chi phí có nội dung thể hiện khác nhau. Để phục vụ cho công tác quản lý, chi phí sản xuất được phân loại theo nhiều cách khác nhau. Các cách phân loại chi phí khác nhau xuất phát từ mục đích phục vụ cho công tác hạch toán hay phục vụ cho quản lý và ra quyết định.

Trong điều kiện hiện nay, chi phí sản xuất của trang trại nên được phân theo cách ứng xử của chi phí, tức là chi phí được phân thành chi phí cố định và chi phí biến đổi. Theo cách phân loại này vừa phù hợp với điều kiện quản lý của trang trại, đáp ứng được tính linh hoạt trong việc ra quyết định, vừa phù hợp với cách phân loại chi phí của thế giới và khu vực.

- *Chi phí biến đổi*: Hiểu theo cách chung nhất, chi phí biến đổi là những chi phí thay đổi theo mức độ sản xuất hay quy mô sản xuất. Các chi phí biến đổi trong trang trại gồm: Chi phí về giống cây trồng, vật nuôi; Chi phí thức ăn cho gia súc, phân bón cho cây trồng; Chi phí tiền công cho lao động thuê ngoài; Chi phí phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác...

- *Chi phí cố định*: Chi phí cố định hiểu theo cách chung nhất là những chi phí không thay đổi theo sự thay đổi của sản lượng hay mức độ hoạt động. Cũng có thể hiểu, chi phí cố định là những khoản chi vẫn phải mất đi cho dù không tiến hành sản xuất ra sản phẩm. Trong trang trại, các khoản chi phí cố định thường được thể hiện như: Tiền khấu hao hoặc tiền phải trả khi thuê TSCĐ; tiền thuê đất hoặc tiền thuê mặt bằng sản xuất; Tiền công trả cho lao động cố định (thuê người quản lý, bảo vệ...); Chi phí phải trả các dịch vụ cố định (dịch vụ nước, bảo vệ đồng ruộng...).

Việc phân chi phí thành chi phí cố định hay biến đổi nhiều khi cũng chỉ mang tính tương đối. Vì vậy việc phân loại chi phí cần phải linh hoạt, tùy thuộc vào tình hình thực tế nhưng yêu cầu phải tính đủ và không được bỏ sót.

Theo cách tập hợp và phân loại như trên thì còn một số khoản chi phí của trang trại chưa được tính đến, đó là:

- + Chi phí lao động trực tiếp của gia đình (chi phí lao động chân tay).
- + Chi phí lao động quản lý của trang trại. Đây là những chi phí liên quan đến công tác quản lý sản xuất của chủ trang trại hay các thành viên khác.
- + Chi phí vốn ( chi phí cơ hội về vốn của gia đình ).

Nếu chi phí chỉ tính đến số tiền thực tế đã bỏ ra để mua các đầu vào, hay giá trị của số sản phẩm dự trữ xuất ra sử dụng thì còn một khoản chi phí nữa không được tính đến đó là giá trị sản phẩm của các ngành sử dụng lẫn của nhau, như trồng trọt cung cấp sản phẩm làm thức ăn cho chăn nuôi, và ngược lại chăn nuôi cung cấp phân bón cho trồng trọt. Như vậy khi tính chi phí sản xuất cho từng ngành, từng sản phẩm cần phải tính đủ các chi phí này.

Các chi phí trên đây, đặc biệt là chi phí biến đổi được phân tích và tính trên 1ha, một đơn vị đầu gia súc hay trên một đơn vị sản phẩm. Chỉ tiêu này có thể tính chung cho các loại chi phí, cũng có thể tính riêng theo từng loại, để đánh giá mức độ đầu tư thâm canh và hiệu quả sử dụng các loại chi phí sản xuất.

Cũng có thể so sánh tốc độ thay đổi của chi phí với tốc độ tăng của sản phẩm, hay giá trị sản xuất thông qua chỉ tiêu *Hệ số co giãn của chi phí đối với sản phẩm sản xuất* ra. Kết quả so sánh thể hiện qua hệ số này cho phép đánh giá chất lượng hay hiệu quả sử dụng các loại chi phí cho sản xuất.

$$E_c^Q = \frac{\% \Delta TC}{\% \Delta Q} \qquad E_c^{GO} = \frac{\% \Delta TC}{\% \Delta GO}$$

$E_c$ : hệ số co giãn của chi phí đối với sản phẩm sản xuất; TC: chi phí; Q: lượng sản phẩm; GO: giá trị sản xuất.

Nếu hệ số này < 1, điều đó có nghĩa là chi phí sử dụng có hiệu quả, và ngược lại.

Chỉ tiêu này có thể được phân tích cho toàn bộ chi phí và cũng có thể được phân tích cho từng loại chi phí theo từng ngành sản xuất, từng loại sản phẩm nào đó.

### 3. 2.3. Các chỉ tiêu phản ánh lợi nhuận của trang trại

Lợi nhuận hay là lãi vừa là mục tiêu, vừa là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các đơn vị kinh tế nói chung và của trang trại nói riêng. Theo cách hiểu chung nhất thì lợi nhuận được tính như sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

Trong thực tế, tùy theo từng loại hình đơn vị kinh tế mà doanh thu, chi phí và lợi nhuận được thể hiện dưới các nội dung và hình thức khác nhau. Do đặc thù riêng của loại hình kinh tế trang trại nên chỉ tiêu lợi nhuận cũng có tính đặc thù. Hiện nay các nước trong khu vực và thế giới người ta thường tính lợi nhuận của trang trại theo các chỉ tiêu riêng, những chỉ tiêu này cũng rất phù hợp với điều kiện của các trang trại ở Việt Nam. Theo Phạm Thị Mỹ Dung và Bùi Bằng Đoàn (2001) các chỉ tiêu này gồm:

- *Lãi gộp* (GM): Lãi gộp hay còn gọi là lãi thô là phần chênh lệch giữa giá trị sản xuất (GO) và chi phí biến đổi (VC).

$$\text{Lãi gộp (GM)} = \text{Giá trị sản xuất (GO)} - \text{Chi phí biến đổi (VC)}$$

Theo cách tính trên, lãi gộp sẽ bao gồm chi phí cố định (FC), chi phí lao động gia đình và phần lãi thực tế từ kinh doanh.

- *Lãi thuần* hay thu nhập thuần của trang trại (NFI). Lãi thuần của trang trại là số thu nhập còn lại của trang trại sau khi đã trừ đi chi phí cố định (FC).

$$\text{Lãi thuần (NFI)} = \text{Lãi gộp (GM)} - \text{Chi phí cố định (FC)}$$

Theo cách tính trên, lãi thuần sẽ bao gồm phần giá trị các nguồn lực sử dụng không phải trả tiền, như tiền công của lao động gia đình, chi phí vốn gia đình và số lãi thực tế từ kinh doanh của trang trại.

Chi phí lao động của gia đình gồm tiền công lao động trực tiếp và lao động quản lý tuy không phải trả tiền nhưng cũng cần phải tính đầy đủ yếu tố này để phản ánh đầy đủ hơn hiệu quả sản xuất của trang trại.

- *Lãi từ đầu tư và quản lý* (MII). Lãi từ đầu tư và quản lý là phần còn lại của lãi thuần sau khi trừ đi chi phí lao động trực tiếp của gia đình.

$$\text{MII} = \text{Lãi thuần (NFI)} - \text{Chi phí lao động trực tiếp của gia đình.}$$

Chi phí lao động trực tiếp của gia đình có thể được tính theo giá thuê lao động thực tế trên thị trường hay chi phí cơ hội của lao động.

Như vậy, lãi từ đầu tư và quản lý (MII) bao gồm số giá trị được tạo ra từ lao động quản lý, chi phí vốn gia đình và số lãi thực tế từ kinh doanh. Trong trường hợp so sánh kết quả sản xuất giữa các trang trại với nhau đặc biệt là các trang trại có đi thuê lao động và trang trại không đi thuê lao động thì sử dụng chỉ tiêu MII sẽ rõ hơn chỉ tiêu NFI, vì đã loại trừ được yếu tố chi phí lao động.

- *Lãi thực từ kinh doanh của trang trại*

Lãi thực từ kinh doanh thể hiện kết quả cuối cùng thu được của trang trại sau khi đã trừ đi toàn bộ chi phí của trang trại, gồm chi phí biến đổi, chi phí cố định, chi phí vốn và chi phí lao động gia đình. Như vậy lãi thực từ kinh doanh cho biết chính xác hơn hiệu quả kinh doanh và khả năng hoàn vốn của trang trại.

Các chỉ tiêu lợi nhuận trên đây được tính cho từng ngành sản xuất, cho từng sản phẩm hay tính cho toàn trang trại. Việc phân tích các chỉ tiêu lợi nhuận sẽ cho biết hiệu quả sản xuất của toàn trang trại, của từng ngành hay của từng sản phẩm.

Nội dung phân tích được thể hiện qua việc so sánh các chỉ tiêu lợi nhuận giữa các năm với nhau, so với chỉ tiêu chuẩn, so sánh giữa các ngành sản xuất, so sánh với trang trại trung bình hay tiên tiến và so với dự thảo kế hoạch.

Các chỉ tiêu lợi nhuận khi phân tích được tính trên một đơn vị diện tích, một đơn vị đầu gia súc; tính trên một đồng chi phí, tính trên một lao động, ngày lao động để đánh giá hiệu quả của từng yếu tố đầu tư, từng loại chi phí.

### 3.2.4. Phân tích khả năng thu hồi vốn của trang trại

Vốn của trang trại chủ yếu là vốn gia đình và vốn đi vay được sử dụng cho sản xuất kinh doanh của trang trại. Việc phân tích sử dụng vốn của trang trại cần đề cập đến các nội dung chủ yếu dưới đây:

- *Vốn canh tác:*

Vốn canh tác là các loại vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh của trang trại và được thể hiện trên từng khâu của quá trình sản xuất kinh doanh.

Vốn canh tác phản ánh mức độ huy động vốn cho sản xuất kinh doanh của trang trại nên nó là chỉ tiêu rất quan trọng và thể hiện trên nhiều nội dung kinh tế khác nhau.

- *Các chỉ tiêu phân tích vốn canh tác:*

+ Giá trị sản xuất (GO), lãi thuần (NFI) tính trên một đồng vốn canh tác.

$$+ \text{Tỷ lệ hoàn vốn canh tác}(\%) = \frac{\text{Lãi từ đầu tư và quản lý (MII)}}{\text{Vốn canh tác}} \times 100$$

Các chủ trang trại có thể dựa vào tỷ lệ hoàn vốn canh tác để đưa ra các quyết định có nên tiếp tục kinh doanh các ngành sản xuất của trang trại lâu dài hay không trên cơ sở so sánh tỷ lệ hoàn vốn canh tác với chi phí cơ hội của vốn.

+ Tỷ lệ hoàn vốn gia đình (Vốn chủ sở hữu). Vốn cho sản xuất kinh doanh trang trại gồm có vốn vay và vốn của gia đình. Nếu loại trừ các khoản vốn vay sẽ cho ta biết được tỷ lệ hoàn vốn gia đình.

$$\text{Tỷ lệ hoàn vốn gia đình} (\%) = \frac{\text{Lãi từ đầu tư và quản lý (MII)}}{\text{Vốn gia đình}} \times 100$$

$$+ \text{Tỷ lệ hoàn vốn chung} (\%) = \frac{\text{Lãi thực từ kinh doanh}}{\text{Tổng số vốn}} \times 100$$

Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn của trang trại sẽ được so sánh với chi phí cơ hội của vốn hay lãi suất bình quân để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và có quyết định điều chỉnh sản xuất, đầu tư cho hợp lý.

Từ các quan hệ trên, chúng ta có thể tính được mức độ hoàn trả cho lao động gia đình và cho từng yếu tố chi phí:

Mức độ hoàn trả cho lao động gia đình = Lãi thuần (NFI) - Chi phí cơ hội vốn gia đình

Mức độ hoàn trả cho lao động trực tiếp = Lãi thuần (NFI) - Chi phí cơ hội vốn và chi phí cơ hội của lao động quản lý

Mức độ hoàn trả cho lao động quản lý = Lãi thuần (NFI) - Chi phí cơ hội vốn và chi phí cơ hội của lao động trực tiếp

Mức độ hoàn trả vốn gia đình = Lãi thuần (NFI) - Chi phí cơ hội lao động gia đình

Trong sản xuất của trang trại có rất nhiều đầu vào biến đổi khác nhau như: giống, phân bón, lao động và nhiều loại vật tư khác. Các chi phí theo từng đầu vào biến đổi này có thể xác định được bằng chỉ tiêu hiện vật hay giá trị. Vì vậy có thể đánh giá hiệu quả sử dụng từng đầu vào biến đổi qua chỉ tiêu mức hoàn trả cho từng yếu tố đầu vào cụ thể.

Xác định mức hoàn trả cho một yếu tố đầu vào biến đổi (X) nào đó được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức hoàn trả cho 1 yếu tố (X)} = \frac{\text{GO} - \text{CPBD đã loại trừ yếu tố (X)} - \text{CPCĐ}}{\text{Chi phí của yếu tố (X)}}$$

Chi phí yếu tố (X) có thể được tính theo hiện vật hoặc giá trị. Chỉ tiêu này chủ yếu được sử dụng để tính cho các đầu vào vật chất, thuê dịch vụ máy hoặc lao động gia đình.

### 3. KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế trang trại trên thế giới là quá trình tăng lên về số lượng và quy mô trang trại. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay ở một số nước công nghiệp phát triển đang có xu hướng giảm dần về số lượng các trang trại, nhưng quy mô của trang trại lại không ngừng tăng lên. Đây là một xu hướng phát triển tất yếu của loại hình kinh tế này. Chính vì vậy, đối với nước ta hiện nay đồng thời với việc khuyến khích phát triển số lượng các trang trại, cần phải coi trọng việc định hướng, hỗ trợ, đầu tư cho phát triển các trang trại quy mô lớn ở một số lĩnh vực sản xuất trọng điểm, để tạo ra sự bứt phá về chất và quy mô đối với loại hình kinh tế này.

Với hệ thống chỉ tiêu kinh tế trên đây, việc nghiên cứu kinh tế trong trang trại sẽ có được những chuẩn mực chung làm cơ sở đánh giá và so sánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các trang trại. Với hệ thống chỉ tiêu này, tùy thuộc vào quy mô, trình độ tổ chức quản lý mà chủ trang trại có thể lựa chọn các chỉ tiêu phân tích thích hợp cho điều kiện cụ thể của trang trại mình. Kinh tế trang trại được phát triển trên cơ sở kinh tế hộ nông dân, chính vì vậy hệ thống chỉ tiêu kinh tế trên đây cũng có thể được áp dụng để nghiên cứu trong kinh tế hộ nông dân.

#### **Tài liệu tham khảo**

Phạm Thị Mỹ Dung, Bùi Bằng Đoàn (2001). Giáo trình phân tích kinh doanh. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

Nguyễn Đình Hương (2000). Thực trạng và những giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Hỏi đáp về kinh tế trang trại và phát triển cây công nghiệp (2002). NXB văn hoá dân tộc, Hà Nội.

Thông tư số 69/TTLT của Bộ NN & PTNT và Tổng cục Thống kê ngày 23/6/2002.